

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-12-2025

“V/v ly hôn giữa chị My và anh Nam”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Mạnh.

2. Ông Trần Văn Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 186/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trà M; sinh ngày 30 tháng 7 năm 2003.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn T, xã K, thành phố Hà Nội.

Căn cước công dân số: 001303039324; cấp ngày: 24-7-2021; nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C1.

(Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Hoàng Phương N; sinh ngày 10 tháng 9 năm 2004.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn V, xã V, tỉnh Ninh Bình.

Căn cước công dân số: 036204014902; cấp ngày: 20-9-2021; nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C1.

(Vắng mặt không có lý do).

3. Người làm chứng: Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn V, xã V, tỉnh Ninh Bình.

(Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 11 năm 2025; bản tự khai ngày 14 tháng 11 năm 2025 và lời khai trong suốt quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Trà M đã trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Qua sự tìm hiểu chị và anh Hoàng Phương N đã tự nguyện kết hôn với nhau vào tháng 12 năm 2024 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định cũ nay là xã V, tỉnh Ninh Bình vào ngày 11 tháng 12 năm 2024 và đã được Ủy ban nhân dân xã Y cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi chị và anh N kết hôn với nhau thì vợ chồng chị chung sống cùng nhà với bố, mẹ đẻ của anh N tại thôn Đ, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định cũ nay là thôn V, xã V, tỉnh Ninh Bình và vợ chồng chị chỉ chung sống hoà thuận, hạnh phúc với nhau được có một thời gian ngắn thì đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính cách của vợ chồng chị không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm từ đó đã dẫn đến trong cuộc sống vợ chồng chị thường hay xảy ra xô xát cãi chửi nhau nên vợ chồng chị chung sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc, mâu thuẫn thì ngày lại càng căng thẳng và trầm trọng hơn. Do vậy đến tháng 02 năm 2025, chị đã phải bỏ về nhà bố, mẹ đẻ của chị ở thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội cũ nay là thôn T, xã K, thành phố Hà Nội để sinh sống. Sau khi chị bỏ về nhà bố, mẹ đẻ của chị được một thời thì anh N cũng chuyển lên đó sống chung cùng với chị được một thời gian nhưng mà tình cảm của vợ chồng chị cũng không được cải thiện, vợ chồng vẫn thường hay xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Do đó đến cuối tháng 8 năm 2025, anh N đã tự bỏ nhà đi và không có liên lạc gì với chị nữa. Nên vợ chồng chị đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm cũng như quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau suốt từ thời điểm cuối tháng 8 năm 2025 cho đến nay. Chị M đã xác định mâu thuẫn giữa chị và anh N đã kéo dài và trầm trọng và nay chị cũng không còn có tình cảm, tình nghĩa vợ chồng gì đối với anh N, mặt khác thì đời sống chung của vợ chồng chị cũng không còn tồn tại từ nhiều ngày, tháng nay nên mục đích của hôn nhân của vợ chồng chị không còn đạt được. Do đó, chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh Hoàng Phương N có 01 con chung là cháu Hoàng Ngọc Minh C, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2025. Chị là người đã trực tiếp nuôi dưỡng cháu C suốt từ thời điểm vợ chồng chị sống ly thân với nhau cho đến nay nên ly hôn chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi cháu C cùng với chị. Hiện chị có đầy đủ các điều kiện cần thiết để trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng chị và chị sẽ bảo đảm được quyền lợi về mọi mặt cho con được tốt nhất.

Về tài sản chung, về công nợ chung và về những vấn đề khác có liên quan: Chị và anh Hoàng Phương N không có nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Đối với bị đơn là anh Hoàng Phương N: Trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Ninh Bình đã nhiều lần thông báo và triệu tập anh N đến trụ sở Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do và anh N cũng không có cung cấp cho Tòa án được bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ án.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 04 tháng 12 năm 2025, đại diện Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Ninh Bình đã cung cấp như sau:

Về quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Trà M và anh Hoàng Phương N: Chị M và anh N đã tự nguyện kết hôn với nhau vào tháng 12 năm 2024 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định cũ nay là xã V, tỉnh Ninh Bình vào ngày 11 tháng 12 năm 2024 và Ủy ban nhân dân xã Y đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho chị M và anh N theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi chị M và anh N kết hôn với nhau thì chị M với anh N đã chung sống cùng nhà với bố, mẹ đẻ của anh N tại thôn Đ, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định cũ nay là thôn V, xã V, tỉnh Ninh Bình. Nhưng đến tháng 02 năm 2025 thì chị M đã cắt khâu và chuyển khâu của chị M tại thôn Đ, xã Y về quê của chị M tại thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội cũ nay là xã K, thành phố Hà Nội và đồng thời chị M đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ của chị M để sinh sống từ thời điểm đó cho đến nay. Về mâu thuẫn của vợ chồng chị M và anh N cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm bắt được. Nay chị M xin ly hôn với anh N, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật và căn cứ vào nguyện vọng của vợ chồng chị M và anh N để xem xét, giải quyết.

Về con chung của chị Nguyễn Thị Trà M và anh Hoàng Phương N: Chị M và anh N có 01 con chung là cháu Hoàng Ngọc Minh C, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2025. Hiện nay cháu C đang sinh sống cùng với chị M và bố, mẹ đẻ của chị M ở thôn T, xã K, thành phố Hà Nội. Do vậy, nếu chị M và anh N ly hôn với nhau thì địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật và căn cứ vào nguyện vọng của vợ chồng chị M và anh N để xem xét, giải quyết sao cho bảo đảm được quyền lợi về mọi mặt của cháu C được tốt nhất.

Về tài sản chung, về công nợ chung và về những vấn đề khác có liên quan của chị Nguyễn Thị Trà M và anh Hoàng Phương N: Do chị M không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nên, địa phương không có ý kiến gì.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 12 năm 2025, người làm chứng là bà Phạm Thị Thu H đã trình bày như sau:

Bà là mẹ đẻ của anh Hoàng Phương N và là mẹ chồng của chị Nguyễn Thị Trà M.

Anh N và chị M kết hôn với nhau vào năm 2024 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định vào ngày 11 tháng 12 năm 2024. Sau khi anh N và chị M kết hôn với nhau thì anh N và chị M chung sống cùng nhà với vợ chồng bà được một thời gian ngắn. Sau đó thì anh N và chị M đã chuyển lên nhà bố, mẹ đẻ của chị M ở thôn T, xã K, thành phố Hà Nội để sinh sống và thỉnh thoảng vợ chồng anh N và chị M có về quê thăm vợ chồng bà.

Về mâu thuẫn giữa anh N và chị M cụ thể như thế nào thì bà không nắm bắt được nhưng theo như anh N đã nói chuyện với bà thì giữa anh N và chị M thỉnh thoảng có xảy ra trục trặc, xích mích nhỏ với nhau trong cuộc sống, nguyên nhân là do tính cách của anh N và chị M không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm nên anh N và chị M đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng với nhau từ tháng 08 năm 2025 cho đến nay. Nay chị M xin ly hôn anh N, bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh N và chị M có 01 con chung là cháu Hoàng Ngọc Minh C, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2025. Hiện nay cháu C đang sinh sống cùng với chị M tại nhà của bố, mẹ đẻ chị M ở thôn T, xã K, thành phố Hà Nội. Nếu anh N và chị M ly hôn với nhau bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết về con chung của anh N và chị M theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bà còn trình bày anh N đã biết được việc Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Ninh Bình đã thụ lý và đang giải quyết vụ án chị M xin ly hôn với anh N. Hiện nay anh N đang đi làm ăn xa ở trên thành phố Hà Nội nên anh N xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án. Về các văn bản tố tụng của Tòa án đã gửi cho anh N qua đường bưu điện thì bà đều đã nhận được đầy đủ, cứ lần nào bà nhận được văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh N thì bà đều đã sử dụng điện thoại chụp ảnh lại văn bản tố tụng đó rồi bà gửi vào Zalo của anh N để cho anh N biết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và của Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như của Hội đồng xét xử và của Thư ký Tòa án tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự.

Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trà M.

Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Trà M và anh Hoàng Phương N.

Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Ngọc Minh C, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2025 cho chị Nguyễn Thị Trà M tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị M.

Về tài sản chung, về công nợ chung và về những vấn đề khác có liên quan: Chị Nguyễn Thị Trà M không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Trà M phải nộp toàn bộ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Xét tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án, bị đơn là anh Hoàng Phương N đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn V, xã V, tỉnh Ninh Bình. Vì vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Ninh Bình thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Xét trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Ninh Bình đã nhiều lần thông báo và triệu tập hợp lệ bị đơn là anh Hoàng Phương N đến Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng anh N đều vắng mặt, không có lý do. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được; tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Ninh Bình đã triệu tập hợp lệ anh N lần thứ hai nhưng anh N vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án.

[4]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét chị Nguyễn Thị Trà M và anh Hoàng Phương N đã tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định cũ nay là xã V, tỉnh Ninh Bình và Ủy ban nhân dân xã Y đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho chị M và anh N theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của chị M và anh N đã thỏa mãn đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân của chị M và anh N là hôn nhân hợp pháp. Nên, được pháp luật bảo vệ.

Về tình trạng của hôn nhân: Xét sau khi chị Nguyễn Thị Trà M và anh Hoàng Phương N kết hôn với nhau thì vợ chồng chị M và anh N chỉ chung

sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được có một thời gian ngắn thì đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo như chị M và người thân thích của anh N đã trình bày là do tính cách của vợ chồng chị M và anh N không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm từ đó đã dẫn đến trong cuộc sống vợ chồng chị M và anh N thường hay xảy ra xô xát cãi chửi nhau nên vợ chồng chị M và anh N chung sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc, mâu thuẫn thì ngày lại càng căng thẳng và trầm trọng hơn. Do đó, đến tháng 02 năm 2025, chị M đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị để sinh sống. Sau khi chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị để sinh sống được một thời thì anh N cũng chuyển lên sinh sống chung cùng với chị M nhưng mà tình cảm của vợ chồng cũng không được cải thiện nên vợ chồng chị M và anh N đã phải sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng cũng như quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau suốt từ thời điểm tháng 8 năm 2025 cho đến nay. Xét hôn nhân thực tế của vợ chồng chị M và anh N hiện nay thấy đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ giữa vợ và chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, ngoài ra thì đời sống chung của vợ chồng chị M và anh N cũng không còn tồn tại từ nhiều ngày, tháng nay. Nên, mục đích của hôn nhân của vợ chồng chị M và anh N nay không còn đạt được. Do vậy, đời sống chung của vợ chồng chị M và anh N không thể kéo dài thêm được nữa. Nên, việc chị M xin ly hôn anh N là hoàn toàn có căn cứ cả về mặt pháp luật cũng như về thực trạng của hôn nhân của vợ chồng chị M và anh N hiện nay. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M, xử ly hôn giữa chị M và anh N là phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xét chị Nguyễn Thị Trà M và anh Hoàng Phương N có 01 con chung là cháu Hoàng Ngọc Minh C, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2025 và chị M đã trực tiếp nuôi dưỡng cháu C suốt từ thời điểm vợ chồng chị M và anh N sống ly thân với nhau cho đến nay. Ly hôn chị M cũng có quan điểm và nguyện vọng muốn được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi cháu C cùng với chị, còn về phía anh N thì cho đến nay anh N cũng không có ý kiến hay quan điểm gì về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng sau ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu C cho chị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và không buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi cháu C cùng với chị M là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, về công nợ chung và về những vấn đề khác có liên quan: Xét trong suốt quá trình tham gia tố tụng chị Nguyễn Thị Trà M đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về những nội dung này và cho đến nay phía anh N cũng không có yêu cầu, đề nghị gì về những nội dung này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Trà M phải nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Trà M và anh Hoàng Phương N được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trà M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Trà M và anh Hoàng Phương N

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Ngọc Minh C, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2025 cho chị Nguyễn Thị Trà M tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hoàng Phương N không phải cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Ngọc Minh C cùng với chị Nguyễn Thị Trà M.

Anh Hoàng Phương N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Nguyễn Thị Trà M.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Trà M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Trà M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002625 ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Trà M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng Phương N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Khu vực 8;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Vạn Thắng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

Vũ Văn Quân